

Bản án số: 38/2023/KDTM-ST
Ngày 29 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Ngọc Minh
- Bà Nguyễn Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Diệu Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (số A Ông Í, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2023/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N4; địa chỉ: B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Đắc N và bà Phạm Ngọc Hải Y; địa chỉ: 28-30-32 M, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 153/UQ-TTSG-TH ngày 16/02/2023). Ông N vắng mặt; bà Y có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bạch T – Luật sư thuộc Công ty L1; địa chỉ: A L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T1; địa chỉ: A Đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Quốc D, sinh năm 1973; địa chỉ: F L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 3 N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2022); vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Quốc D (sinh năm 1973); địa chỉ: F L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc P (sinh năm 1973), ông Hoàng Quốc D1 (sinh năm 1993), ông Hoàng Chí P1 (sinh năm 1996), bà Trần Kim N1 (sinh năm 1994) và bà Hoàng Nguyễn Kim N2 (sinh năm 2004, do bà Nguyễn Thị Ngọc P đại diện tại thời điểm thụ lý. Tại thời điểm xét xử, bà Hoàng Nguyễn Kim N2 đã thành niên); địa chỉ: F L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt ngày 07/12/2022). Bà P, ông D1, ông P1, bà N2 vắng mặt; bà N1 có mặt.

- Công ty TNHH T2; địa chỉ: F L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2: Bà Nguyễn Thị Y1; địa chỉ: 4 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Công ty Cổ phần T3; địa chỉ: 2 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T3: Bà Lê Thị L; địa chỉ: H thôn A, xã Đ-L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

- Công ty TNHH L2; địa chỉ: F L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH L2: Ông Úc Thanh Xuân X; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2021, bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/9/2019, Ngân hàng N4 (gọi tắt là A) và Công ty TNHH T1 (gọi tắt là Công ty T1) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353; theo đó A cho Công ty T1 vay 55.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 18/9/2020, lãi suất trong hạn theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí chậm trả lãi 10% năm. A đã thực hiện giải ngân nhiều lần cho Công ty T1 theo các lần được xác nhận bằng giấy nhận nợ.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty T1, ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Ngọc P đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu của ông bà gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở tại địa chỉ số E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CG983958, số vào sổ cấp CH00481 do Ủy ban nhân dân Quận H1 cấp ngày 18/4/2017, đứng tên chủ sở hữu là ông Hoàng Quốc D, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1900-LGA-201900122 được Văn phòng C chứng nhận ngày 19/9/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/09/2019.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà) tại địa chỉ F Đ (nay là Lê Văn D2), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 517334, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS00162 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 21/5/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Ngọc P, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1900-LGA-201900121 được Văn phòng C chứng nhận ngày 19/9/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/09/2019.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà) tại địa chỉ 4 C, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 850202, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là H00016 do Ủy ban nhân dân quận P cấp ngày 03/01/2007 đứng tên ông Hoàng Quốc D, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1900-LGA-201900124 được Văn phòng C chứng nhận ngày 19/9/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/09/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng. A đã nhiều lần làm việc và tạo điều kiện cho Công ty T1 trả một phần nợ. Quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án, A đã tạo điều kiện cho Công ty T1 trả nợ được một phần và đã giải chấp một phần tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở tại địa chỉ số E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng thế chấp số 1900-LGA-201900122 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà) tại địa chỉ 4 C, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1900-LGA-201900124.

Tính đến ngày 06/9/2023 Công ty T1 không thực hiện tiếp việc trả nợ.

Từ những lý do trên, A đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty T1 phải thanh toán cho A số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353 ngày 18/9/2019 tạm tính đến ngày 29/12/2023 là 28.973.301.808 (trong đó nợ gốc là 22.350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.623.301.808 đồng). Lãi sẽ tiếp tục được tính từ ngày 30/12/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc tính theo mức lãi suất đã quy định tại Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353.

- Trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà) tại địa chỉ F Đ (nay là Lê Văn D2), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp tài sản bảo đảm nằm trong quy hoạch không phát mại được với lý do bị thu hồi theo các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì nguyên đơn là bên duy nhất được nhận

tiền đền bù để thu hồi nợ.

- Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp đảm bảo mà không đủ trả nợ cho **A** thì **Công ty T1** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả dứt nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp đối với hai căn nhà **số E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh** và **số D C, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**; rút yêu cầu về việc buộc bị đơn trả nợ phí chậm trả lãi; thay đổi một phần nội dung khởi kiện là tiếp tục tính lãi trong hạn đối với khoản nợ quá hạn; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc **Công ty T1** thanh toán nợ gốc và nợ lãi trong hạn và xử lý tài sản thế chấp là căn nhà **số F Đ (nay là Lê Văn D2), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

* Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông **Hoàng Quốc D** trình bày:

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn xác nhận còn nợ **A** theo đúng như lời trình bày của phía nguyên đơn. Hiện nay phía bị đơn đang gặp khó khăn về tài chính nên mất khả năng thanh toán nợ; do đó, bị đơn đề nghị phía nguyên đơn xem xét giảm lãi và cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông **Hoàng Quốc D** và bà **Nguyễn Thị Ngọc P** được trả nợ thay công ty để giải chấp các tài sản đã thế chấp.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày bổ sung.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông **Hoàng Quốc D** trình bày:

Tại các biên bản hòa giải, ông **Hoàng Quốc D** đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi trong hạn để có điều kiện trả nợ thay cho **Công ty T1** để giải chấp tài sản.

Ông **Hoàng Quốc D** đề nghị Tòa án không triệu tập các cá nhân, đơn vị đang cư trú, kinh doanh tại các tài sản thế chấp, bao gồm: **Công ty TNHH T2, Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH L2, ông Hoàng Quốc D1 (sinh năm 1993), ông Hoàng Chí P1 (sinh năm 1996), bà Trần Kim N1 (sinh năm 1994) và trẻ Hoàng Nguyễn Kim N2 (sinh năm 2004)**.

Tại phiên tòa, ông **Hoàng Quốc D** vắng mặt nên không có lời trình bày bổ sung.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà **Nguyễn Thị Ngọc P, ông Hoàng Quốc D1, ông Hoàng Chí P1, bà Trần Kim N1 và bà Hoàng Nguyễn Kim N2** trình bày:

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 07/12/2022.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về các khoản nợ giữa Công ty TNHH T1 HD1 đối với A.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Hoàng Quốc D1, ông Hoàng Chí P1 và bà Hoàng Nguyễn Kim N2 vắng mặt nên không có lời trình bày bổ sung. Bà Trần Kim N1 có mặt nhưng không có ý kiến gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH T2 – do bà Nguyễn Thị Y1 đại diện trình bày:

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản phản hồi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty Cổ phần T3 – do bà Lê Thị L đại diện trình bày:

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản phản hồi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH L2 – do ông Ưc Thanh Xuân X đại diện trình bày:

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản phản hồi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tổng đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự chưa đúng quy định của pháp luật. Cụ thể là Tòa án đã chậm tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chậm đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự; thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ vốn gốc, nợ lãi trong hạn và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp; chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp:

Ngày 18/9/2019, A và Công ty T1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353; theo đó A cho Công ty T1 vay 55.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 18/9/2020, lãi suất trong hạn theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí chậm trả lãi 10% năm. Các bên ký kết và thực hiện hợp đồng nhằm mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty T1 có trụ sở chi nhánh tại địa chỉ A Đường C, Phường A, Quận A. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về pháp luật nội dung được áp dụng:

Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353 ngày 18/9/2019 và các giấy nhận nợ được ký kết giữa hai bên có xác định mục đích vay là để kinh doanh và do các bên đều là chủ thể của quan hệ kinh doanh, thương mại; quan hệ tranh chấp giữa hai bên được xác định lại là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại và Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở tại địa chỉ số E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng thế chấp số 1900-LGA-201900122 ngày 19/9/2019 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà) tại địa chỉ 4 C, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1900-LGA-201900124 ngày 19/9/2019; đồng thời, các cá nhân, đơn vị cư trú, kinh doanh tại địa chỉ số D C, Phường I, quận P không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xem xét quyền lợi liên quan; do đó, Hội đồng xét xử không triệu tập các cá nhân, đơn vị đang cư trú, kinh doanh tại địa chỉ số D C, Phường I, quận P tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bao gồm: Ông Thạch Mu N3, bà Thạch Thị Chanh Đ, trẻ Thạch Ngọc Trang P2 và trẻ Thạch Nhất K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Hoàng Quốc D1, ông Hoàng Chí P1 và bà Hoàng Nguyễn Kim N2 có đơn xin vắng mặt ngày 07/12/2022 (bà Nguyễn Thị Ngọc P có đơn xin vắng mặt tại thời điểm bà P là người đại diện theo pháp luật của bà Hoàng Nguyễn Kim N2 khi bà N2 chưa

thành niên). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến tục tiến hành phiên tòa.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Hoàng Quốc D, người đại diện theo pháp luật của các Công ty TNHH T2, Công ty Cổ phần T3, Công ty TNHH L2 nhưng tại ngày mở phiên tòa ngày 07/12/2023 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về việc xem xét các chứng cứ:

Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Tại các lần tiến hành phiên họp và phiên hòa giải, các bên đương sự có mặt thừa nhận và không có ý kiến phản đối các chứng cứ do bên kia cung cấp và do Tòa án thu thập; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không có văn bản phản đối các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

5.1. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Xét Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353 ngày 18/9/2019 và các giấy nhận nợ được ký kết giữa hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa A và Công ty T1 có giao dịch hợp đồng tín dụng, A đã giải ngân nhiều lần cho Công ty T1 vay để bổ sung vốn kinh doanh. Tuy nhiên, sau đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ bao gồm nợ vốn gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ phí chậm trả lãi và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã thừa nhận có ký kết với A Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353 ngày 18/9/2019 và các giấy nhận nợ; thừa nhận hiện còn nợ số tiền vay như phía nguyên đơn trình bày. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thanh toán một phần nợ và được nguyên đơn giải chấp một phần tài sản, rút lại yêu cầu thanh toán nợ lãi quá hạn, chỉ yêu cầu tính theo mức lãi suất trong hạn đối với khoản nợ quá hạn và rút lại yêu cầu thanh toán nợ phí chậm trả lãi. Tuy nhiên, đối với số nợ còn lại, bị đơn không tiếp tục thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 29/12/2023 là 28.973.301.808 đồng (bao gồm nợ gốc là 22.350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.623.301.808 đồng).

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn”.

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N5 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng N5 có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này.*”.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353 ngày 18/9/2019 và các giấy nhận nợ ký kết giữa A và Công ty T1 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N5 về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N5 hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N5 nên có hiệu lực pháp luật. A đã giải ngân đầy đủ số tiền vay gốc cho Công ty T1. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, A khởi kiện yêu cầu Công ty T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không áp dụng mức lãi suất quá hạn đối với khoản nợ quá hạn mà chỉ tính theo mức lãi suất trong hạn là có lợi cho bị đơn và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện; căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn thanh toán nợ phí chậm thanh toán lãi là tự nguyện; căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán nợ phí chậm thanh toán lãi.

Công ty T1 phải thanh toán cho A nợ gốc và nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày xét xử 29/12/2023, cụ thể như sau: Nợ gốc là 22.350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.623.301.808 đồng. Tổng cộng là 28.973.301.808 đồng.

Công ty T1 còn có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353 ngày 18/9/2019 kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả dứt nợ.

5.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về xử lý tài sản thế chấp đối với hai căn nhà số E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và số D C, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; rút yêu cầu về việc buộc bị đơn trả nợ lãi quá hạn và nợ phí chậm trả lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1900-LGA-201900121 được Văn phòng C chứng nhận ngày 19/9/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/09/2019 thì ông Hoàng Quốc D và vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc P đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty T1. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà) tại địa chỉ F Đ (nay là Lê Văn D2), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 517334, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS00162 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 21/5/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Việc thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/9/2019 theo quy định của pháp luật. Quá trình quản lý tài sản thế chấp thì bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Hoàng Quốc D có cho tổ chức cá nhân khác cư trú, sinh sống, kinh doanh tại tài sản thế chấp bao gồm: Ông Hoàng Chí P1, bà Trần Kim N1, bà Hoàng Nguyễn Kim N2, Công ty TNHH T2, Công ty Cổ phần T3 và Công ty TNHH L2.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập các tổ chức, cá nhân nêu trên tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các cá nhân bao gồm Ông Hoàng Chí P1, bà Trần Kim N1 và bà Hoàng Nguyễn Kim N2 không có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết và có đơn xin vắng mặt ngày 07/12/2022 nên Tòa án không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa, bà Trần Kim N1 có mặt nhưng không nêu ý kiến gì bổ sung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các công ty là Công ty TNHH T2, Công ty Cổ phần T3 và Công ty TNHH L2 thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các công ty này không cử người tham gia tố tụng, không có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Phía người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Quốc D và bà Nguyễn Thị Ngọc P thừa nhận có thế chấp tài sản trên để đảm bảo trả nợ vay; lời thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ cho nguyên đơn.

[6] Xét ý kiến của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của

bị đơn - Công ty T1 là ông Hoàng Quốc D xác nhận có vay của A theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201900353 ngày 18/9/2019 và các giấy nhận nợ theo đúng như lời trình bày của phía nguyên đơn. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận còn nợ số tiền vay như phía nguyên đơn đã trình bày và đồng thời ông Hoàng Quốc D với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin được thanh toán nợ vay thay cho bị đơn để được giải chấp tài sản. Tuy nhiên, trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, ông Hoàng Quốc D chỉ thanh toán được một phần nợ vay và được nguyên đơn giải chấp một phần tài sản thế chấp. Ông Hoàng Quốc D không thực hiện việc thanh toán thay toàn bộ số nợ còn lại của bị đơn và không được phía nguyên đơn chấp nhận kéo dài thêm thời gian thực hiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[7] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Hoàng Quốc D:

Ông Hoàng Quốc D đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi trong hạn để có điều kiện trả nợ thay cho Công ty T1 để giải chấp tài sản. Tuy nhiên, ý kiến đề nghị của ông D không được ngân hàng chấp nhận do ngân hàng đã không áp dụng mức lãi suất quá hạn đối với khoản nợ quá hạn mà chỉ tính theo mức lãi suất trong hạn, miễn khoản nợ phí chậm trả lãi nhưng ông D chậm thực hiện việc thanh toán nợ thay cho bị đơn. Nguyên đơn không chấp nhận kéo dài thêm thời gian để ông D thực hiện việc trả nợ thay cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Quốc D.

Đối với ý kiến của ông Hoàng Quốc D về việc đề nghị Tòa án triệu tập các cá nhân, đơn vị đang cư trú, kinh doanh tại địa chỉ số F L, Phường A, quận B tham gia vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phía nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số F L, Phường A, quận B trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ là có ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của những người đang cư trú, kinh doanh tại địa chỉ trên; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông Hoàng Quốc D và giải quyết triệu tập các cá nhân, tổ chức gồm ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc P, ông Hoàng Quốc D1, ông Hoàng Chí P1, bà Trần Kim N1 và bà Hoàng Nguyễn Kim N2, Công ty TNHH T2, Công ty Cổ phần T3 và Công ty TNHH L2 tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Ngọc P:

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 07/12/2022, không có ý kiến gì về các khoản nợ giữa Công ty T1 đối với A và không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

[9] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hoàng Quốc D1, ông Hoàng Chí P1, bà Trần Kim N1 và bà Hoàng Nguyễn Kim N2:

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 07/12/2022, không có ý kiến gì về các

khoản nợ giữa Công ty T1 đối với A và không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

Bà Trần Kim N1 có mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến khác bổ sung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH T2, Công ty Cổ phần T3 và Công ty TNHH L2:

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

[11] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về việc Tòa án còn có một số khuyết điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc buộc bị đơn phải trả nợ vay cho nguyên đơn; chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu do nguyên đơn đã rút.

[12] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ là 28.973.301.808 đồng (hai mươi tám tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu ba trăm lẻ một nghìn tám trăm lẻ tám đồng) và được Tòa án chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 136.973.308 đồng.

[13] Về xem xét nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ngày 23/02/2023, Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Ngày 15/3/2023, Tòa án đã phối hợp cùng với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp tại địa chỉ số F L, Phường A, quận B và tại số D C, Phường I, quận P. Nguyên đơn đã đóng tạm ứng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng được Tòa án chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị đơn phải gánh chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 96; Điều 147; Điều 244; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng N4 về việc buộc Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, cầm cố.

Buộc Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N4 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/12/2023 số tiền là 28.973.301.808 đồng (hai mươi tám tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu ba trăm lẻ một nghìn tám trăm lẻ tám đồng), bao gồm tiền nợ vốn gốc là 22.350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.623.301.808 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH T1 HD1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N4 thì lãi suất mà Công ty TNHH T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N4 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N4.

Trong trường hợp Công ty TNHH T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng N4 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý, kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà) tại địa chỉ F Đ (nay là Lê Văn D2), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 517334, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS00162 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 21/5/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị Ngọc P, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1900-LGA-201900121 được Văn phòng C chứng nhận ngày 19/9/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/09/2019.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm nằm trong quy hoạch không phát mại được với lý do bị thu hồi theo các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì nguyên đơn là bên duy nhất được nhận tiền đền bù để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý, phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho đến khi thanh

toán hết khoản nợ trên.

Trong trường hợp Công ty TNHH T1 HD1 hoặc ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc P thanh toán xong tất cả các khoản nợ trước khi cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng N4 có nghĩa vụ tiến hành ngay thủ tục giải chấp và trả lại toàn bộ giấy tờ, tài sản đã giữ của ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc P liên quan đến tài sản thế chấp; trừ trường hợp ông Hoàng Quốc D, bà Nguyễn Thị Ngọc P còn phải thực hiện nghĩa vụ khác đối với Ngân hàng N4.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút về việc xử lý tài sản thế chấp là hai căn nhà số E N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và số D C, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút về việc tính phí chậm trả lãi.

3. Về án phí:

Công ty TNHH T1 HD1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 136.973.308 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm lẻ tám đồng).

H lại cho Ngân hàng N4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 76.973.762 đồng (bảy mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên Lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019659 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11.

4. Về chi phí tố tụng khác:

Buộc Công ty TNHH T1 phải hoàn trả cho Ngân hàng N4 số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do Ngân hàng N4 đã thanh toán trước số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

5. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về quyền kháng nghị:

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng